

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 15 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác  
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 893/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 12 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 7 Điều 40 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, bao gồm:

- Công trình ngăn mặn Mỹ Trung.
- Trạm bơm.
- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $2\text{m}^3/\text{s}$ .
- Công trình trên kênh.
- Bờ bao thủy lợi.

## 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có các hoạt động liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Vùng phụ cận công trình thủy lợi là phạm vi tiếp giáp mép ngoài công trình thủy lợi trở ra.

2. Công trình trên kênh là những công trình công, đập, tràn, xi phông, cầu máng được xây dựng trong lòng kênh, hai bên bờ kênh có nhiệm vụ dẫn nước, lấy nước, điều tiết nước, đo nước, chuyển nước, xả nước, tiêu nước.

3. Kênh đất là kênh xây dựng bằng vật liệu đất (gồm phần đào và đắp kênh) không được gia cố bằng bê tông, bê tông cốt thép và các loại vật liệu bền vững khác, dùng để dẫn nước (tưới, tiêu, cấp nước) trong công trình thủy lợi.

4. Kênh kiên cố là kênh được kiên cố bằng bê tông, bê tông cốt thép và các loại vật liệu bền vững khác.

5. Kênh nổi là kênh đắp nổi trên mặt đất, có đáy kênh cao hơn mặt đất tự nhiên.

6. Kênh chìm là kênh đào chìm có toàn bộ mặt cắt chuyển nước nằm dưới mặt đất tự nhiên.

7. Kênh nửa chìm nửa nổi là kênh mà mặt cắt chuyển nước có phần đào chìm dưới mặt đất tự nhiên và phần đắp nổi trên mặt đất tự nhiên.

### **Điều 3. Phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi**

#### 1. Công trình ngăn mặn Mỹ Trung

Phạm vi vùng phụ cận công và âu thuyền được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía là 50 m. Phạm vi vùng phụ cận đập ngăn sông là 20 m tính từ chân đập trở ra hai phía thượng, hạ lưu đập.

#### 2. Công trình trạm bơm

a) Trường hợp đã có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình. Phạm vi vùng phụ cận được xác định bằng hàng rào bảo vệ hoặc các mốc chỉ giới bảo vệ công trình đã có.

b) Trường hợp chưa xây dựng được hàng rào bảo vệ. Phạm vi vùng phụ cận được tính trong phạm vi đất được thu hồi khi xây dựng và đưa công trình vào bàn giao sử dụng.

3. Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $2\text{m}^3/\text{s}$ .

a) Đối với kênh nổi, kênh nửa chìm nửa nổi, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra;

b) Đối với kênh chìm, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra;

c) Phạm vi vùng phụ cận theo các cấp lưu lượng được quy định cụ thể như sau:

TT	Lưu lượng thiết kế ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	Phạm vi vùng phụ cận (m)
<b>I</b>	<b>Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 0,5</b>	
1	Kênh đất	1,0
2	Kênh kiên cố	0,5
<b>II</b>	<b>Kênh có lưu lượng từ 0,50 đến dưới 1,0</b>	
1	Kênh đất	1,5
2	Kênh kiên cố	1,0
<b>III</b>	<b>Kênh có lưu lượng từ 1,0 đến dưới 2,0</b>	
1	Kênh đất	2,0
2	Kênh kiên cố	1,0

4. Đối với công trình trên kênh, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài của phần xây đúc, gia cố bảo vệ cuối cùng của công trình trở ra từ 03m đến 05m, riêng thùng máng phạm vi phụ cận tính từ mép ngoài thùng máng trở ra là 01m.

5. Đối với bờ bao thủy lợi, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái bờ đắp trở ra 03 m về phía sông và về phía đồng. Trường hợp bờ bao thủy lợi kết hợp tuyến đê, phạm vi vùng phụ cận áp dụng theo quy định về hành lang bảo vệ đê điều của Luật Đê điều.

6. Công trình thủy lợi khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại Điều này; cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Quy định này.

2. Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quy hoạch mạng lưới giao thông, xác định lộ giới, phạm vi bảo vệ

công trình thủy lợi có kết hợp giao thông, thực hiện cấm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Tổ chức tuyên truyền vận động tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật về thủy lợi, tự tháo dỡ, giải tỏa công trình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Chỉ đạo các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thuộc UBND cấp xã quản lý khẩn trương rà soát, xác định cụ thể phạm vi vùng phụ cận và lập phương án bảo vệ, cấm mốc bảo vệ công trình thủy lợi thuộc đơn vị quản lý (đối với các công trình chưa triển khai).

4. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi

a) Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

c) Chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, quản lý hành lang, mốc giới bảo vệ công trình. Trường hợp hành lang bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang bị vi phạm để xử lý.

d) Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2025. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định về bảo vệ và bảo đảm an toàn công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

b) Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình; Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Bảo**